

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2022/HNGĐ-TLST ngày 11/10/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2022/QĐ-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Lệ T**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT:Thôn Cá L (nay là thôn Cẩm L), xã Đồng, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn Nham C, xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Xuân Đ**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú xuất cảnh: Thôn Cá L (nay là thôn Cẩm L), xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Liên Bang Nga.

(Chị T, anh Đ có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Vũ Lệ T trình bày: Chị và anh Đ tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng

L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương ngày 25/4/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, anh Đ không có trách nhiệm với mẹ con chị, dẫn đến hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Tháng 8/2022 ba mẹ con chị đã về ông bà ngoại sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Bùi Vũ Diệu A sinh ngày 05/6/2013 và cháu Bùi Vũ Tuấn K, sinh ngày 09/12/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con, ban đầu chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng sau đó chị thay đổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Xuân Đ hiện nay đang lao động tại Liên Bang Nga, nhưng do chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Đ tại gia đình. Ông Bùi Văn V và bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ anh Đ cung cấp, anh Đ sang Liên Bang Nga lao động từ năm 2011, năm 2012 anh Đ về Việt Nam cưới vợ, sau đó tiếp tục sang Liên Bang Nga làm kinh tế và nhiều lần về thăm gia đình. Ông bà không biết địa chỉ của anh Đ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ thường xuyên gọi điện về gia đình. Ông V, bà T cho biết năm 2019 anh Đ về Việt Nam, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên từng làm đơn ly hôn nhưng chưa được giải quyết. Tháng 7/2022 chị T đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Ông V, bà T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình anh Đ có quan điểm, xác định tình cảm vợ chồng không còn nay chị T có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung, anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả hai con, nếu anh không được nuôi con thì chị T phải có trách nhiệm cho gia đình anh thăm gặp các con. Tài sản chung, nợ chung anh Đ không đề nghị giải quyết, đồng thời anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Cháu Bùi Vũ Diệu A và cháu Bùi Vũ Tuấn K là con chung của anh Đ chị T đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao con Bùi Vũ Diệu A, sinh ngày 05/6/2013 và con Bùi Vũ Tuấn K, sinh ngày 09/12/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Lệ T đang sinh sống tại thôn Nham C, xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Xuân Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại: thôn Cẩm L, xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Liên Bang Nga. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở Liên Bang Nga. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh Đ cho thấy, anh Đ thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Bùi Văn V và bà Trần Thị T. Ông V, bà T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị T có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Anh Đ đã được gia đình thông báo và cũng có quan điểm giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Lệ T và anh Bùi Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương ngày 25/4/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mỗi người sống một nơi, hai bên bắt

đồng trong việc quản lý kinh tế dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tháng 8/2022 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, cả hai không còn liên lạc với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Đ. Thông qua gia đình anh Đ cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- *Về con chung*: Chị Vũ Lệ T và anh Bùi Xuân Đ có hai con chung là Bùi Vũ Diệu A, sinh ngày 05/6/2013 và Bùi Vũ Tuấn K, sinh ngày 09/12/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị T. Ly hôn chị T, anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T và anh Đ đều chính đáng, tuy nhiên hiện nay anh Đ đang ở nước ngoài không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Cháu A và cháu K đang ở với mẹ, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu cần tiếp tục giao cháu A, cháu K cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Lệ T được ly hôn anh Bùi Xuân Đ

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Vũ Diệu A, sinh ngày 05/6/2013 và Bùi Vũ Tuấn K, sinh ngày 09/12/2015 cho chị Vũ Lệ T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Xuân Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Lệ T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số

AA/2021/0001659 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Lệ T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đông L
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền